

ĐÀO TẠO

KỸ THUẬT LẤY MẪU THỰC PHẨM

☎ 0915.317.305
Email: nguyenhoinifc@gmail.com
Web: <https://nifc.gov.vn/>

ThS. Nguyễn Thị Hồi
Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia
65 Phạm Thận Duật, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội

Bài 2.

GIỚI THIỆU MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ LẤY MẪU



SỰ THAY ĐỔI VỀ QUY ĐỊNH LẤY MẪU

NỘI DUNG THÔNG TƯ SỐ 01/2024/TT-BKHCHN

CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THÔNG TƯ 14/2011/TT-BYT **Hướng dẫn chung về lấy mẫu thực phẩm** **phục vụ thanh tra, kiểm tra** **chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm**

- Ban hành ngày 01/4/2011
- Có hiệu lực từ ngày 01/6/2011
- Nội dung Thông tư gồm 10 Điều
- 05 Phụ lục
 - Lượng mẫu lấy phục vụ kiểm nghiệm
 - Phương pháp lấy mẫu

SỰ THAY ĐỔI VỀ QUY ĐỊNH

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17 /2023/TT-BYT

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2023

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH10 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn thực phẩm,

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

1. Sửa đổi khoản 8 Điều 3 như sau:

“8. Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới là phụ gia thực phẩm có chứa từ hai (02) chất phụ gia trở lên và có ít nhất một (01) công dụng khác với tất cả công dụng đã được quy định cho mỗi chất phụ gia đó.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Hương liệu dùng trong thực phẩm bao gồm các hương liệu thuộc một trong các danh mục sau:

a) Hương liệu đã được JECFA đánh giá, xác định an toàn ở các lượng ăn vào dự kiến hoặc lượng ăn vào hàng ngày chấp nhận được (ADI);

b) Hương liệu được công nhận an toàn (GRAS) ban hành bởi Hiệp hội các

THÔNG TƯ 14/2011/TT-BYT
Hướng dẫn chung về lấy mẫu thực phẩm phục vụ thanh tra, kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm



HẾT HIỆU LỰC

SỰ THAY ĐỔI VỀ QUY ĐỊNH



THÔNG TƯ 17/2023/TT-BYT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM DO BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ BAN HÀNH

Điều 7. Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành

1. Bãi bỏ Thông tư số 14/2011/TT-BYT ngày 01/04/2011 của Bộ Y tế về hướng dẫn lấy mẫu phục vụ thanh tra, kiểm tra về chất lượng, vệ sinh ATTP.



KHÔNG TRỰC TIẾP ĐỀ CẬP ĐẾN VĂN BẢN THAY THẾ

SỰ THAY ĐỔI VỀ QUY ĐỊNH



THÔNG TƯ 17/2023/TT-BYT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM DO BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ BAN HÀNH

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số [48/2015/TT-BYT](#) ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế

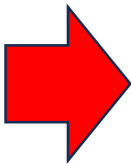
4. Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b và h khoản 1 Điều 6 như sau:

“h) Lấy mẫu kiểm nghiệm trong trường hợp cần thiết. **Áp dụng hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư số 26/2012/TT-BKHCN** ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường và khoản 3, **khoản 8 Điều 1 Thông tư số 12/2017/TT-BKHCN** ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [26/2012/TT-BKHCN](#) để lấy mẫu.”



SỰ THAY ĐỔI VỀ QUY ĐỊNH

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> Số: 26/2012/TT-BKHCN Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2012 THÔNG TƯ Quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007; Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá; Căn cứ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hoá; Căn cứ Nghị định số 28/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường. Chương I QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Thông tư này quy định về nội dung, trình tự, thủ tục và tổ chức thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường. 2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Điều 2. Đối tượng kiểm tra 1. Hàng hoá lưu thông trên thị trường Việt Nam. 2. Hàng hoá đặc dụng của quốc phòng, an ninh không thuộc đối tượng kiểm tra của Thông tư này. Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Hàng hoá lưu thông trên thị trường bao gồm: hàng hóa trong quá trình vận chuyển, trưng bày, khuyến mại và lưu giữ trong quá trình mua bán hàng hóa, trừ trường hợp vận chuyển hàng hóa của tổ chức cá nhân nhập khẩu hàng	BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> Số: 12/2017/TT-BKHCN Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2017 THÔNG TƯ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Căn cứ Nghị định số 8/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ; Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường. Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường 1. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 như sau: “2. Các từ ngữ khác trong Thông tư này sử dụng cách giải thích từ ngữ theo quy định tại Điều 3 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa”. 2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 như sau: “a) Theo yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa”.
---	--



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> Số: 01 /2024/TT-BKHCN Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2024 THÔNG TƯ Quy định kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ; Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường; Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
--

SỰ THAY ĐỔI VỀ QUY ĐỊNH



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2016/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định của Chính phủ số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc giám sát an toàn thực phẩm (ATTP) đối với sản phẩm nông lâm thủy sản lưu thông, tiêu thụ trong nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hoạt động giám sát nhằm cảnh báo, phòng ngừa và ngăn chặn sự cố ATTP trước khi phân phối đến người tiêu dùng.

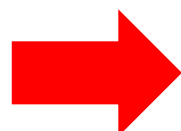
Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thực phẩm nông lâm thủy sản áp dụng của Thông tư này gồm: ngũ cốc; thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy sản và sản phẩm thủy sản; rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả; trứng và các sản phẩm từ trứng; sữa tươi nguyên liệu; mật ong và các sản phẩm từ mật ong; muối; gia vị; đường; chè; cà phê; cacao; hạt tiêu; điều và các nông sản thực phẩm được lưu thông, tiêu thụ tại:

1. Đối tượng áp dụng gồm: ngũ cốc; thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy sản và sản phẩm thủy sản; rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả; trứng và các sản phẩm từ trứng; sữa tươi nguyên liệu; mật ong và các sản phẩm từ mật ong; muối; gia vị; đường; chè; cà phê; cacao; hạt tiêu; Điều và các nông sản thực phẩm được lưu thông, tiêu thụ tại:

- a) Chợ đầu mối, chợ đầu giá nông lâm thủy sản (sau đây gọi tắt là chợ);
- b) Cơ sở thu gom, phân phối nông lâm thủy sản, cơ sở chuyên doanh nông lâm thủy sản (chỉ kinh doanh các sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) (sau đây gọi tắt là cơ sở kinh doanh).

2. Đối tượng không áp dụng gồm: các sản phẩm nông lâm thủy sản thực phẩm xuất khẩu đã được giám sát theo quy định nước nhập khẩu.



THỰC HIỆN LẤY MẪU THỰC PHẨM THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN BẮT BUỘC THỰC HIỆN THEO HƯỚNG DẪN TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2016/TT-BNNPTNT



THÔNG TƯ 01/2024/TT-BKHCHN

Điều 2. Đối tượng áp dụng và đối tượng kiểm tra

1. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan kiểm tra CL, SPHH thuộc các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến CL, SPHH.

2. Đối tượng kiểm tra

a) Hàng hóa lưu thông trên thị trường Việt Nam

b) Hàng hóa trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh không thuộc đối tượng kiểm tra

Điều 4. Căn cứ kiểm tra

1. Thông tin, cảnh báo không phù hợp với quy định tại Điều 38 Luật CL, SPHH
2. Thông tin phản ánh dưới mọi hình thức về dấu hiệu vi phạm CL, SPHH, nhãn
3. Kết quả khảo sát hoặc kiểm tra phát hiện nhãn không đúng quy định hoặc có dấu hiệu chất lượng không phù hợp với TC công bố, QCVN.
4. Theo yêu cầu quản lý hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.
5. Theo kế hoạch kiểm tra hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Lấy mẫu và xử lý mẫu hàng hóa thử nghiệm phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa

1. Lấy mẫu hàng hóa

Khi hàng hóa có dấu hiệu không bảo đảm, Trưởng Đoàn:

- Lấy mẫu hàng hóa và lập biên bản theo Mẫu 5. BBLM;
- Yêu cầu người bán hàng cung cấp hóa đơn, chứng từ, tài liệu để xác định lượng hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ.
- Cùng đại diện cơ sở xác định số lượng của lô hàng hóa được lấy mẫu tại thời điểm nhập hàng gần nhất trước thời điểm lấy mẫu kiểm tra và tại thời điểm lấy mẫu kiểm tra.

Mẫu hàng hóa: lấy ngẫu nhiên

Số lượng: **đủ để thử nghiệm,**

Đoàn kiểm tra gửi đi thử nghiệm: 01 đơn vị

Cơ sở có quyền không lưu hoặc lưu: ≤ 03 đơn vị

Hàng hóa không đủ số lượng để lấy mẫu kiểm tra hoặc không xác định được lô hàng thì Đoàn kiểm tra thực hiện lấy mẫu khảo sát theo khoản 2 Điều 9.

Điều 8. Lấy mẫu và xử lý mẫu hàng hóa thử nghiệm phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa

2. Trình tự lấy mẫu hàng hóa

- a) Lập biên bản lấy mẫu theo Mẫu 5. BBLM;
- b) Niêm phong theo Mẫu 8. TNPM và tem niêm phong có chữ ký của người lấy mẫu, người bán hàng.

Người bán hàng không ký BBLM, TNP mẫu thì phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của ít nhất 1 người chứng kiến xác nhận việc người bán hàng không ký vào biên bản, tem niêm phong;

BBLM, TNP không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến thì phải ghi rõ lý do vào biên bản và vẫn có giá trị pháp lý.

Điều 8. Lấy mẫu và xử lý mẫu hàng hóa thử nghiệm phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa

3. Thử nghiệm mẫu hàng hóa

- Tổ chức thử nghiệm được chỉ định.
- Không có hướng dẫn riêng về thời gian gửi mẫu đi thử nghiệm, **tối đa 05 ngày** làm việc kể từ ngày lấy mẫu, Đoàn kiểm tra phải gửi mẫu đến tổ chức thử nghiệm.
- Mẫu trước khi gửi đến tổ chức thử nghiệm phải được mã hóa và lập biên bản mã hóa theo Mẫu 6. BB/MHM
- Trong quá trình vận chuyển, phải thực hiện các yêu cầu bảo đảm an toàn, nguyên trạng.
- Bàn giao mẫu với tổ chức thử nghiệm theo biên bản giao nhận mẫu theo Mẫu 7. BB/GNM
- Kết quả thử nghiệm là căn cứ pháp lý để cơ quan kiểm tra xử lý tiếp theo quy định

Điều 8. Lấy mẫu và xử lý mẫu hàng hóa thử nghiệm phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa

4. Lưu mẫu và xử lý mẫu

- Mẫu lưu tại cơ sở bảo đảm phù hợp, không ảnh hưởng đến tính chất ban đầu.
- Khi có KQTN, cơ quan kiểm tra có thông báo cho cơ sở theo Mẫu 10. TB/KQTN.
- + Mẫu đạt chất lượng, chưa hết hạn sử dụng, cơ sở được tiếp tục bán hoặc sử dụng;
- + Mẫu vi phạm về chất lượng, cơ sở thay đổi mục đích sử dụng hoặc tái chế hoặc tiêu hủy theo quy định của pháp luật;
- + Mẫu hết hạn sử dụng, cơ sở tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Lấy mẫu và xử lý mẫu hàng hóa thử nghiệm phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa

5. Chi phí lấy mẫu, chi phí thử nghiệm mẫu hàng hóa

Chi phí lấy đơn vị mẫu thử nghiệm và chi phí thử nghiệm theo quy định:

- Điều 41 Luật CLSP, HH
- Thông tư 28/2010/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 3/3/2010
- Đoàn kiểm tra, cơ quan kiểm tra không chi trả chi phí cho đơn vị mẫu lưu tại cơ sở được kiểm tra.

Điều 9. Lấy mẫu và xử lý mẫu hàng hóa thử nghiệm phục vụ khảo sát chất lượng hàng hóa

1. Không cần có mẫu lưu.

2. Có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng nhưng không đủ số lượng để lấy mẫu hoặc không xác định được số lượng lô hàng thì lấy mẫu để khảo sát chất lượng hàng hóa.

Đoàn kiểm tra thay đổi mục đích lấy mẫu phải thể hiện rõ lý do tại Biên bản.

Kết quả TN không phù hợp với TC công bố/QCVN:

- Tiến hành kiểm tra tại cơ sở của người sản xuất, người nhập khẩu hàng hóa
- Hoặc thông báo cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương tổ chức kiểm tra hoặc thanh tra cơ sở của người sản xuất, người nhập khẩu hàng hóa.

3. Chi phí lấy mẫu khảo sát do cơ quan kiểm tra chi trả.

THÔNG TƯ 01/2024/TT-BKHCN



TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐOÀN KIỂM TRA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Số.../.../BBLM-ĐKT

(Kèm theo Biên bản kiểm tra số:)

1. Tên cơ sở được lấy mẫu:
2. Địa chỉ cơ sở được lấy mẫu:
3. Đại diện cơ sở được lấy mẫu: (Họ tên, chức vụ, đơn vị)
4. Người lấy mẫu: Họ tên, chức danh, đơn vị)
5. Phương pháp lấy mẫu:

STT	Tên mẫu, ký hiệu	Tên cơ sở và địa chỉ NSX/NK ghi trên nhãn hoặc tên, địa chỉ cơ sở cung cấp	Đơn vị tính	(Khối lượng/số lượng/số mẫu)	Khối lượng/số lượng hàng hóa tại thời điểm lấy mẫu	Ngày sản xuất (nếu có)	Thời hạn lưu mẫu	Ghi chú

6. Tình trạng mẫu:
- Mẫu được chia thành không quá 04 đơn vị mẫu: 01 đơn vị mẫu để thử nghiệm. Cơ sở được kiểm tra lưu không quá 03 đơn vị, được lưu tại (Số lượng của mỗi đơn vị mẫu bảo đảm đủ để thử các chỉ tiêu cần kiểm tra theo yêu cầu quản lý và phương pháp thử quy định).
 - Mẫu được niêm phong có sự chứng kiến của đại diện cơ sở được lấy mẫu.
- Biên bản được lập thành bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua. Đại diện cơ sở được kiểm tra giữ một (01) bản, bản lưu tại đoàn kiểm tra./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 6. BB/MHM

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN MÃ HOÁ MẪU

1. Họ tên người mã hóa mẫu:
- Chức vụ:
2. Họ tên người giám sát mã hóa mẫu:.....
- Chức vụ:.....
3. Ngày giờ mã hóa mẫu: Lúcgiờngày tháng năm
4. Địa điểm mã hóa mẫu:
6. Tình trạng mẫu:.....
7. Lưu ý về mẫu (nếu có):.....

STT	Mã hoá	Tên mẫu	Nơi lấy mẫu	Tên địa chỉ cơ sở sản xuất ghi trên nhãn	Ghi chú

NGƯỜI GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI MÃ HOÁ
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Mẫu 5. BBLM
(Thông tư 01/2024/TT-BKHCN)



TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA
ĐOÀN KIỂM TRA

Mẫu 5. BBLM
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Số.../.../BBLM-ĐKT

(Kèm theo Biên bản kiểm tra số:)

1. Tên cơ sở được lấy mẫu:.....

2. Địa chỉ cơ sở được lấy mẫu:

3. Đại diện cơ sở được lấy mẫu: (Họ tên, chức vụ, đơn vị)

4. Người lấy mẫu: Họ tên, chức danh, đơn vị)

5. Phương pháp lấy mẫu:

STT	Tên mẫu, ký hiệu	Tên cơ sở và địa chỉ NSX/NK ghi trên nhãn hoặc tên, địa chỉ cơ sở cung cấp	Đơn vị tính	(Khối lượng/số lượng)/ mẫu	Khối lượng/số lượng hàng hóa tại thời điểm lấy mẫu	Ngày sản xuất (nếu có)	Thời hạn lưu mẫu	Ghi chú

6. Tình trạng mẫu:

- Mẫu được chia thành không quá 04 đơn vị mẫu: 01 đơn vị mẫu để thử nghiệm. Cơ sở được kiểm tra lưu không quá 03 đơn vị, được lưu tại (Số lượng của mỗi đơn vị mẫu bảo đảm đủ để thử các chỉ tiêu cần kiểm tra theo yêu cầu quản lý và phương pháp thử quy định).

- Mẫu được niêm phong có sự chứng kiến của đại diện cơ sở được lấy mẫu.

Biên bản được lập thành bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua. Đại diện cơ sở được kiểm tra giữ một (01) bản, bản lưu tại đoàn kiểm tra./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)



TEM NIÊM PHONG MẪU

Mẫu 8. TNPM
(Thông tư 01/2024/TT-BKHCN)



Mẫu 8. TNPM

TEM NIÊM PHONG MẪU

Số: .../TNPM

Kèm theo Biên bản lấy mẫu số ngày tháng năm

Tên mẫu:

Ký hiệu mẫu:

Ngày lấy mẫu:

NGƯỜI LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Tem niêm phong được đóng dấu treo của cơ quan kiểm tra khi niêm phong mẫu.



BIÊN BẢN MÃ HÓA MẪU

Mẫu 6. BB/MHM
(Thông tư 01/2024/TT-BKHCN)



TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA
.....

Mẫu 6. BB/MHM
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN MÃ HÓA MẪU

- Họ tên người mã hóa mẫu:
- Chức vụ:
- Họ tên người giám sát mã hóa mẫu:
- Chức vụ:
- Ngày giờ mã hóa mẫu: Lúc giờ ngày tháng năm
- Địa điểm mã hóa mẫu:
- Tình trạng mẫu:
- Lưu ý về mẫu (nếu có):

STT	Mã hóa	Tên mẫu	Nơi lấy mẫu	Tên địa chỉ cơ sở sản xuất ghi trên nhãn	Ghi chú

NGƯỜI GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI MÃ HÓA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan kiểm
tra thực hiện



BIÊN BẢN GIAO NHẬN MẪU

Mẫu 7. BB/GNM
(Thông tư 01/2024/TT-BKHCN)



TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

Mẫu 7. BB/GNM
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN GIAO NHẬN MẪU

- Bên giao:
- Họ tên CBCM/KSVCL:
- Chức vụ:
- Bên nhận:
- Họ tên người nhận:
- Chức vụ:
- Ngày giờ giao nhận mẫu: Lúc ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...
- Địa điểm giao nhận mẫu:
- Bảng thống kê mẫu:

STT	Tên mẫu, Mã hóa	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu thử nghiệm	QCVN/TCVN/TCCS
- Tình trạng mẫu:
- Lưu ý về mẫu (nếu có):

BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan kiểm
tra thực hiện



Mẫu 7. BB/GNM

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN GIAO NHẬN MẪU

1. Bên giao:
- Họ tên CBCM/KSVCL:
- Chức vụ:
2. Bên nhận:
- Họ tên người nhận:.....
- Chức vụ:.....
3. Ngày giờ giao nhận mẫu: Lúcgiờngày tháng năm
4. Địa điểm giao nhận mẫu:.....
5. Bảng thống kê mẫu:

STT	Tên mẫu, Mã hóa	Số lượng mẫu	Chi tiêu thử nghiệm	QCVN/TCVN/TCCS

6. Tình trạng
mẫu:.....

7. Lưu ý về mẫu (nếu
có):.....

BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 8. TNPM

TEM NIÊM PHONG MẪU

Số: .../TNPM

Kèm theo Biên bản lấy mẫu số..... ngày..... tháng..... năm.....

Tên mẫu:

Ký hiệu mẫu:

Ngày lấy mẫu:

NGƯỜI LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Tem niêm phong được đóng dấu treo của cơ quan kiểm tra khi niêm phong mẫu.

Mẫu 9. TNPHH

TEM NIÊM PHONG HÀNG HÓA

Số: .../TNPHH

Kèm theo Biên bản niêm phong hàng hóa số..... ngày..... tháng..... năm

Tên hàng hóa niêm phong:

Lượng hàng hoá niêm phong:

Ngày niêm phong:

NGƯỜI NIÊM PHONG
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Tem niêm phong được đóng dấu treo của cơ quan kiểm tra trước khi niêm phong hàng hóa.

MỘT SỐ TIÊU CHUẨN VỀ LẤY MẪU



1. [TCVN 12386:2018 Thực phẩm - Hướng dẫn chung về lấy mẫu](#)
2. TCVN 4441:2009 - Phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên sản phẩm dạng đơn chiếc
3. TCVN ISO/IEC 17025:2017 - Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn
4. TCVN 5072:1990 - Sản phẩm rau quả chế biến - Phương pháp lấy mẫu và các quy tắc chung về nghiệm thu
5. TCVN 5080:2002 - Thuốc lá - Lấy mẫu thuốc lá nguyên liệu - Nguyên tắc chung
6. TCVN 5261:1990 - Sản phẩm ong - Phương pháp lấy mẫu
7. TCVN 6539: 1999 - Cà phê nhân đóng bao - Lấy mẫu
8. TCVN 6605:2007 - Cà phê hòa tan - Phương pháp lấy mẫu đối với bao gói có lót
9. TCVN 6663-3: 2016 - Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước
10. TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý
11. TCVN 6684:2008 - Thuốc lá điếu - Lấy mẫu
12. TCVN 6938:2001 - Thuốc lá sợi - Lấy mẫu
13. TCVN 7790-1:2007 - Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định tính - Phần 1: Chương trình lấy mẫu được xác định theo giới hạn chất lượng chấp nhận (AQL) để kiểm tra từng lô
14. TCVN 7790-2:2015 - Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định tính - Phần 2: Quy trình lấy mẫu lô cách quãng
15. TCVN 7790-3:2015 - Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định tính - Phần 3: Phương án lấy mẫu xác định theo mức giới hạn chất lượng (LQ) để kiểm tra lô riêng lẻ

MỘT SỐ TIÊU CHUẨN VỀ LẤY MẪU



16. TCVN 7790-4:2008 - Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định tính - Phần 4: Quy trình đánh giá mức chất lượng công bố
- 17.TCVN 7790-5:2008 - Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định tính - Phần 5: Phương án lấy mẫu liên tiếp xác định theo giới hạn chất lượng chấp nhận (AQL) để kiểm tra lô
- 18.TCVN 7847-2:2008 - Ngũ cốc và đậu đỗ - Xác định sự nhiễm côn trùng ẩn náu – Phần 2: Lấy mẫu
- 19.TCVN 7925:2005 - Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp lấy mẫu thân thịt tươi để phân tích vi sinh vật
- 20.TCVN 8129:2009 - Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp lấy mẫu bề mặt sử dụng đĩa tiếp xúc và lau bề mặt
- 21.TCVN 8243-1:2009 - Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định lượng - Phần 1: Quy định chung đối với phương án lấy mẫu một lần xác định theo giới hạn chất lượng chấp nhận (AQL) để kiểm tra từng lô đối với một đặc trưng chất lượng và một AQL
- 22.TCVN 8243-2:2009 - Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định lượng - Phần 2: Quy định chung đối với phương án lấy mẫu một lần xác định theo giới hạn chất lượng chấp nhận (AQL) để kiểm tra từng lô có các đặc trưng chất lượng độc lập
- 23.TCVN 8243-4:2015 - Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định lượng - Phần 4: Quy trình đánh giá mức chất lượng công bố
24. TCVN 8243-5:2015 - Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định lượng - Phần 5: Phương án lấy mẫu liên tiếp xác định theo giới hạn chất lượng chấp nhận (AQL) để kiểm tra định lượng (để biết độ lệch chuẩn)

MỘT SỐ TIÊU CHUẨN VỀ LẤY MẪU



25. TCVN 8442:2008 - Tinh dầu - Lấy mẫu
26. TCVN 8597:2010 - Kiểm dịch thực vật - Phương pháp luận về việc lấy mẫu chuyển hàng
27. TCVN 8880:2011 - Chất lượng nước - Lấy mẫu để phân tích
28. TCVN 8946:2011 - Hạt có dầu - Lấy mẫu
29. TCVN 9016:2011 - Rau tươi - Phương pháp lấy mẫu trên đồng ruộng
30. TCVN 9017:2011 - Quả tươi - Phương pháp lấy mẫu trên vườn sản xuất
31. TCVN 9027:2011 - Ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc - Lấy mẫu
32. TCVN 9600:2013 - Lấy mẫu ngẫu nhiên và quy trình ngẫu nhiên hóa
33. TCVN 9601:2013 - Phương án lấy mẫu liên tiếp để kiểm tra định tính
34. TCVN 9608:2013 - Hạt có dầu - Phương pháp lấy mẫu thử từ mẫu phòng thử nghiệm
35. TCVN 9743:2013 - Chè hòa tan dạng rắn - Lấy mẫu
36. TCVN 9946-1:2013 - Hướng dẫn lựa chọn và sử dụng hệ thống lấy mẫu chấp nhận để kiểm tra các cá thể đơn chiếc trong lô - Phần 1: Lấy mẫu chấp nhận
37. TCVN 9946-2:2013 - Hướng dẫn lựa chọn và sử dụng hệ thống lấy mẫu chấp nhận để kiểm tra các cá thể đơn chiếc trong lô – Phần 2: Lấy mẫu định tính
38. TCVN 9946-3:2013 - Hướng dẫn lựa chọn và sử dụng hệ thống lấy mẫu chấp nhận để kiểm tra các cá thể đơn chiếc trong lô – Phần 3: Lấy mẫu định lượng

MỘT SỐ TIÊU CHUẨN VỀ LẤY MẪU



39. TCVN 10782:2015 - Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Giai đoạn sản xuất ban đầu - kỹ thuật lấy mẫu
40. TCVN 10853:2015 - Phương án lấy mẫu liên tiếp để kiểm tra định lượng phần trăm không phù hợp
41. TCVN 10854:2015 - Quy trình lấy mẫu chấp nhận định tính - Mức chất lượng quy định theo số cá thể không phù hợp
42. TCVN 10855:2015 - Quy trình lấy mẫu chấp nhận định tính - Hệ thống lấy mẫu có số chấp nhận bằng không trên nguyên tắc số tin cậy để kiểm soát chất lượng đầu ra
43. TCVN 10856:2015 - Hệ thống lấy mẫu kết hợp có số chấp nhận bằng không và quy trình kiểm soát quá trình để chấp nhận sản phẩm
44. TCVN 10857-2:2015 - Quy trình lấy mẫu chấp nhận dựa trên nguyên tắc phân bổ ưu tiên (APP) - Phần 2: Phương án lấy mẫu một lần phối hợp dùng cho lấy mẫu chấp nhận
45. TCVN 11865-1:2017 - Khía cạnh thống kê của lấy mẫu vật liệu dạng đồng - Phần 1: Nguyên tắc chung
46. TCVN 11885-2:2017 - Khía cạnh thống kê của lấy mẫu vật liệu dạng đồng - Phần 2: Lấy mẫu vật liệu dạng hạt
47. TCVN 10989:2015 - Sản phẩm nông sản thực phẩm - thiết kế tiêu chuẩn lấy mẫu từ lô hàng
48. TCVN 11431:2016 - Nguyên tắc lấy mẫu và thử nghiệm thực phẩm trong thương mại quốc tế
49. TCVN 11923:2017 - Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - Kỹ thuật lấy mẫu để phân tích vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi
50. TCVN 12054:2017 - Quy trình hướng dẫn giám định bằng mắt thường lô hàng thực phẩm đóng hộp về các khuyết tật không



Chúc sức khỏe quý anh chị học viên!